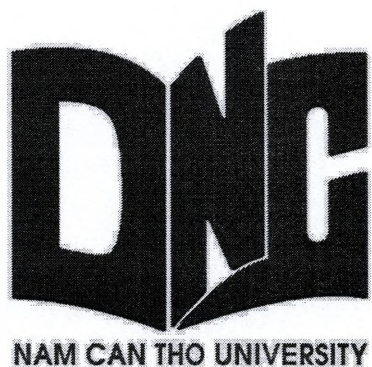


**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA NGOẠI NGỮ**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

CẦN THƠ – 2023



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

(Ban hành theo Quyết định số: 1225 /QĐ-ĐHNCT ngày 16 tháng 12 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Trình độ đào tạo : Đại học hệ chính quy
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh
Tên tiếng Anh : English Studies
Mã số : 7220201
Loại hình đào tạo : Chính quy
Hình thức đào tạo : Tập trung

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh là những công dân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ tiếng Anh.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh)	English Studies
Mã ngành đào tạo	7220201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	134
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm

Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 134 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và tin học theo quy định chung của Nhà trường; - Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp; - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành các học phần điều kiện.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Phiên dịch, biên dịch viên của các Bộ, Ban, Ngành, các Tổ chức trong và ngoài nước. - Cán bộ ngoại giao – Bộ Ngoại giao. - Cán bộ đối ngoại – Vụ/Phòng hợp tác quốc tế - Các Bộ, Ban, Ngành cấp Trung ương và địa phương. - Thư ký/Trợ lý Giám đốc tại các doanh nghiệp nước ngoài hoặc doanh nghiệp trong nước. - Cán bộ chương trình, dự án của các Tổ chức quốc tế. - Hướng dẫn viên du lịch, cộng tác viên, nhân viên làm việc tại các sở văn hóa, di tích, viện bảo tàng. - Chuyên viên ngành xuất bản, truyền thông. - Giáo viên tiếng Anh tại một số đơn vị đào tạo ngoại ngữ.
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ trong và ngoài nước.

Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Ngôn ngữ Anh các trường: Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Tây Đô, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Mae Fah Luang (Thái Lan) và Trường Đại học Mở Malaysia.
Thời gian cập nhật	2023

1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cử nhân có đủ sức khỏe, kiến thức vững chắc, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu xã hội và nhu cầu của người học, phù hợp với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Có phẩm chất đạo đức, khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đạt được các chuẩn về kiến thức và học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển nghề nghiệp bản thân.

- Đào tạo nhân lực đủ năng lực làm việc tại các cơ quan, các Trường, các Viện nghiên cứu và các công ty liên quan có sử dụng tiếng Anh trong các công tác chuyên môn.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

M1 Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh trong đời sống và trong môi trường làm việc.

M2 Hình thành kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh chuyên sâu từ đó phát triển năng lực làm việc chuyên môn.

M3 Phát triển kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm từ xã hội, môi trường làm việc và nghiên cứu.

M4 Thực hiện được các nhiệm vụ chuyên môn sử dụng tiếng Anh, từ đó phát triển được năng lực sáng tạo trong công việc.

M5 Phát triển được năng lực tổ chức, điều hành, quản trị môi trường làm việc.

M6 Hình thành được năng lực tự học, tự nghiên cứu ở lĩnh vực chuyên môn, từ đó phát triển được các năng lực tương ứng trong đời sống và hỗ trợ được những người xung quanh, giúp cải thiện đời sống xã hội.

1.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, cụ thể như sau:

1.4.1. Về kiến thức

- Kiến thức chung

PO1 Hiểu được kiến thức cơ bản về Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật Việt Nam, lấy đó làm cơ sở để tu dưỡng đạo đức chính trị.

PO2 Vận dụng được kiến thức về Giáo dục quốc phòng, từ đó rèn luyện ý thức, trách nhiệm bảo vệ tổ quốc.

PO3 Đạt trình độ ngoại ngữ tiếng Anh, Tin học theo quy định của Nhà trường.

-Kiến thức chuyên môn

PO4 Giải thích những khái niệm, bản chất của ngôn ngữ Anh, các kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Anh, ngữ pháp, phát âm tiếng Anh.

PO5 Trình bày các đặc trưng về văn chương các quốc gia nói tiếng Anh.

PO6 So sánh được đặc điểm về đất nước, con người và văn hóa của các quốc gia nói tiếng Anh đối với các quốc gia khác.

1.4.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng chuyên môn:

PO7 Sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ Anh trong nhiều tình huống khác nhau.

PO8 Phân tích ngôn ngữ dưới dạng văn bản và lời nói dựa trên các kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa.

PO9 Vận dụng được kỹ năng thuyết trình về các vấn đề trong các lĩnh vực xã hội và chuyên ngành.

PO10 Biên – phiên dịch được các tài liệu trong đời sống, xã hội và chuyên ngành.

- Kỹ năng mềm:

PO11 Giao tiếp hiệu quả thông qua việc thuyết trình, báo cáo, thảo luận, thể hiện quan điểm cá nhân.

PO12 Hợp tác, làm việc nhóm, tổ chức và sắp xếp công việc hiệu quả.

PO13 Phân tích được thực trạng các vấn đề, từ đó có thể phát triển các ý tưởng cải tiến công việc, khởi nghiệp.

PO14 Hướng dẫn, truyền đạt và đánh giá năng lực của người khác trong lĩnh vực chuyên môn và các lĩnh vực có liên quan.

1.4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO15 Thể hiện được trách nhiệm công dân, phẩm chất chính trị, yêu nước và yêu nghề.

PO16 Ý thức được trách nhiệm trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng công việc.

PO17 Nhận thức được sự cần thiết và khả năng học tập suốt đời, chia sẻ và lan truyền năng lực đến cộng đồng và xã hội.

1.5. Môi quan hệ giữa mục tiêu với Chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT																
	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
T	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
M1			X	X	X	X											
M2							X	X	X	X	X	X	X	X			
M3							X	X	X	X	X	X	X	X			
M4							X	X	X	X	X	X	X	X			
M5											X	X	X	X			
M6	X	X					X	X	X	X					X	X	X

1.6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

Các phương pháp dạy học được trình bày trong bảng sau:

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Thuyết trình	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và SV để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp SV hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học

	vào các vấn đề thực tiễn.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.

Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm một lần với phương hướng điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan (SV, cựu SV, đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia,...) về chất lượng chương trình đào tạo.

- Hàng năm khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp dạy nâng cao năng lực GV.

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về phẩm chất, tài năng, trách nhiệm của GV.

1.6.2. Thang điểm, hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5
			Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	15	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn	Tổng
Giáo dục đại cương	23	4	27
Giáo dục chuyên nghiệp			107
<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	50		50
<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	41	16	57
Tổng			134

2.2 Danh mục môn học

2.2.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 27 TC

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
A	Lý luận chính trị		11			
1	0101000889	Triết học Mác – Lê Nin	3	3		BB
2	0101000641	Kinh tế chính trị	2	2		BB
3	0101000890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		BB
4	0101000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BB
5	0101000869	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		BB
B	Khoa học xã hội và nhân văn		2+4			
6	0101000891	Pháp luật đại cương	2	2		BB
7	0101000881	Logic học đại cương	2	2		TC
8	0101000595	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		TC
9	0101000903	Xã hội học đại cương	2	2		TC
10	0101001799	Văn bản lưu trữ học đại cương	2	2		TC
C	Ngoại ngữ		7			
11	0101001605	Pháp văn 1	3	2	1	BB
12	0101001679	Pháp văn 2	2	1	1	BB
13	0101001689	Pháp văn 3	2	1	1	BB

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
D	Tin học		3			
14	0101000896	Tin học căn bản	3	2	1	BB
E	Giáo dục thể chất		3			
15	0101000872	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1	ĐK
16	0101000873	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1	ĐK
17	0101000874	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1	ĐK
F	Giáo dục quốc phòng		8			
18	0101000871	Giáo dục quốc phòng (*)	8			ĐK

(*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

2.2.2 Kiến thức cơ sở ngành: 50 TC

STT	Mã số học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
1	0101001606	Ngữ pháp 1	2	2		BB
2	0101001607	Đọc 1	3	2	1	BB
3	0101001608	Viết 1	3	2	1	BB
4	0101001609	Ngữ âm TH 1	2	1	1	BB
5	0101001604	Nghe nói 1	3	2	1	BB
6	0101001680	Ngữ pháp 2	3	3		BB
7	0101001681	Đọc 2	3	2	1	BB
8	0101001682	Viết 2	3	2	1	BB
9	0101001684	Ngữ âm TH 2	2	1	1	BB
10	0101001610	Nghe nói 2	3	2	1	BB
11	0101001691	Ngữ pháp 3	3	3		BB
12	0101001692	Đọc 3	3	2	1	BB
13	0101001693	Viết 3	3	2	1	BB

STT	Mã số học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
14	0101001694	Ngữ âm TH 3	2	1	1	BB
15	0101001685	Nghe nói 3	3	2	1	BB
16	0101001732	Đọc 4	3	2	1	BB
17	0101001733	Viết 4	3	2	1	BB
18	0101001734	Nghe nói 4	3	2	1	BB

2.2.3 Kiến thức chuyên ngành: 57 TC

STT	Mã số học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
Học phần bắt buộc 41 TC						
1	0101001859	Dẫn luận văn chương	3	3		BB
2	0101001853	Truyền thông	2	1	1	BB
3	0101001695	Dẫn luận ngôn ngữ	3	3		BB
4	0101001851	Từ pháp học	2	1	1	BB
5	0101001858	Cú pháp học	2	1	1	BB
6	0101001997	Ngữ nghĩa học	2	1	1	BB
7	0101001998	Âm vị học	2	1	1	BB
8	0101001852	Ngữ dụng học	2	1	1	BB
9	0101001690	Lý thuyết dịch	3	3		BB
10	0101001735	Biên dịch 1	2	1	1	BB
11	0101001856	Biên dịch 2	2	1	1	BB
12	0101001736	Phiên dịch 1	2	1	1	BB
13	0101001857	Phiên dịch 2	2	1	1	BB
14	0101000123	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	3	2	1	BB
15	0101001687	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	2	1	1	BB

STT	Mã số học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH	Thể loại
16	0101001854	Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh	2	2		BB
17	0101001855	Thực tế ngoài trường	1		1	BB
18	0101002362	Thực tập tốt nghiệp	4		4	BB
Học phần tự chọn 16 TC						
19	0101002003	Giao tiếp liên văn hóa	2	1	1	TC
20	0101002067	Phân tích diễn ngôn	2	1	1	TC
21	0101002002	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	2		TC
22	0101002353	Biên dịch nâng cao	2	1	1	TC
23	0101002354	Phiên dịch nâng cao	2	1	1	TC
24	0101002355	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	2	1	1	TC
25	0101002356	Ứng dụng công nghệ trong học ngôn ngữ	2	1	1	TC
26	0101002357	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	1	1	TC
27	0101002358	Phân tích số liệu khoa học xã hội (SPSS)	2	1	1	TC
28	0101002005	Tiếng Anh thương mại	2	1	1	TC
29	0101002359	Tiếng Anh báo chí	2	1	1	TC
30	0101002360	Tiếng Anh marketing	2	1	1	TC
31	0101002361	Tiếng Anh du lịch – nhà hàng	2	1	1	TC
32	0101002062	Tiểu luận tốt nghiệp	4		4	TC
33	0101002063	Khóa luận tốt nghiệp	8		8	TC

2.3 Trình tự nội dung chương trình dạy học

2.3.1 Học kỳ 1

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Tin học căn bản	3	60	2	30	1	30
2	Nghe nói 1	3	60	2	30	1	30
3	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
4	Triết học Mác – Lê Nin	3	45	3	45		
5	Ngữ pháp 1	2	30	2	30		
6	Viết 1	3	60	2	30	1	30
7	Giáo dục Quốc phòng	8	180	4	60	4	120
8	Giáo dục thể chất 1	1	30			1	30
	Cộng	16					

2.3.2 Học kỳ 2

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Ngữ pháp 2	3	45	3	45		
2	Đọc 1	3	60	2	30	1	30
3	Viết 2	3	60	2	30	1	30
4	Ngữ âm TH 1	2	45	1	15	1	30
5	Nghe nói 2	3	60	2	30	1	30
6	Pháp văn 1	3	60	2	30	1	30
7	Giáo dục thể chất 2	1	30			1	30
	Cộng	17					

2.3.3 Học kỳ 3

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Kinh tế chính trị	2	30	2	30		
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30		
3	Pháp văn 2	2	45	1	15	1	30
4	Độc 2	3	60	2	30	1	30
5	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	2	45	1	15	1	30
6	Ngữ âm TH 2	2	45	1	15	1	30
7	Nghe nói 3	3	60	2	30	1	30
8	Giáo dục thể chất 3	1	30			1	30
	Cộng	16					

2.3.4 Học kỳ 4

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Dẫn luận ngôn ngữ	3	45	3	45		
2	Lý thuyết dịch	3	45	3	45		
3	Ngữ pháp 3	3	45	3	45		
4	Độc 3	3	60	2	30	1	30
5	Viết 3	3	60	2	30	1	30
6	Ngữ âm TH 3	2	45	1	15	1	30
7	Pháp văn 3	2	45	1	15	1	30
	Cộng	19					

2.3.5 Học kỳ 5

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Âm vị học	2	45	1	15	1	30
2	Đọc 4	3	60	2	30	1	30
3	Nghe nói 4	3	60	2	30	1	30
4	Biên dịch 1	2	45	1	15	1	30
5	Phiên dịch 1	2	45	1	15	1	30
6	Viết 4	3	60	2	30	1	30
<i>Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần</i>							
7	Logic học đại cương	2	30	2	30		
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	2	30		
	Xã hội học đại cương	2	30	2	30		
	Văn bản lưu trữ học đại cương	2	30	2	30		
	Cộng	19					

2.3.6 Học kỳ 6

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	2	30		
2	Ngữ nghĩa học	2	45	1	15	1	30
3	Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh	2	30	2	30		
4	Từ pháp học	2	45	1	15	1	30
5	Biên dịch 2	2	45	1	15	1	30
6	Phiên dịch 2	2	45	1	15	1	30

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
7	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	3	60	2	30	1	30
8	Truyền thông	2	45	1	15	1	30
9	Thực tế ngoài trường	1	60			2	60
	Cộng	18					

2.3.7 Học kỳ 7

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
2	Dẫn luận văn chương	3	45	3	45		
3	Cú pháp học	2	45	1	15	1	30
4	Ngữ dụng học	2	45	1	15	1	30
<i>Sinh viên chọn 4 trong 10 học phần</i>							
5	Giao tiếp liên văn hóa	2	45	1	15	1	30
	Phân tích diễn ngôn	2	45	1	15	1	30
	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	30	2	30		
	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	45	1	15	1	30
	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	2	45	1	15	1	30
	Ứng dụng công nghệ trong học ngôn ngữ	2	45	1	15	1	30
	Phân tích số liệu khoa học xã hội (SPSS)	2	45	1	15	1	30

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
	Biên dịch nâng cao	2	45	1	15	1	30
	Phiên dịch nâng cao	2	45	1	15	1	30
	Cộng	17					

2.3.8 Học kỳ 8

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Thực tập tốt nghiệp	4	120			4	120
<i>Đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp</i>							
2	Luận văn tốt nghiệp	8	240			8	240
	Tổng	12					
<i>Đối với sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp</i>							
	Tiểu luận tốt nghiệp	4	120			4	120
<i>Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần</i>							
3	Tiếng Anh thương mại	2	45	1	15	1	30
	Tiếng Anh báo chí	2	45	1	15	1	30
	Tiếng Anh marketing	2	45	1	15	1	30
	Tiếng Anh du lịch – nhà hàng	2	45	1	15	1	30
	Tổng	12					

3. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Đại cương	3	2	2	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	3	3	3
Cơ sở ngành	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Chuyên ngành	1	1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt Chuẩn đầu ra của CTĐT

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

STT	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG : 27 TC																				
A	Lý luận chính trị																			
1	Triết học Mác – Lê Nin	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
2	Kinh tế chính trị	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0

5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
B Khoa học xã hội và nhân văn																			
6	Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	3	0	0
7	Logic học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	2	0	0	1
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	1	0	0	0	0	0	1
9	Xã hội học đại cương	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
10	Văn bản lưu trữ đại cương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	2
C Ngoại ngữ																			
11	Pháp văn 1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1
12	Pháp văn 2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	1	1
13	Pháp văn 3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	2	2
D Tin học																			
14	Tin học căn bản	0	0	3	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1
E Giáo dục thể chất																			
15	Giáo dục thể chất 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
16	Giáo dục thể chất 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0

17	Giáo dục thể chất 3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
F	Giáo dục quốc phòng																		
18	Giáo dục quốc phòng – an ninh	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH : 50 TC																			
1	Ngữ pháp 1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
2	Ngữ pháp 2	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
3	Ngữ pháp 3	0	0	3	3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
4	Ngữ âm TH 1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1
5	Ngữ âm TH 2	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2
6	Ngữ âm TH 3	0	0	3	3	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2
7	Nghe nói 1	0	0	1	1	0	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	2
8	Nghe nói 2	0	0	2	2	0	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	2
9	Nghe nói 3	0	0	3	3	0	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	2
10	Nghe nói 4	0	0	3	3	0	0	3	0	3	0	3	0	0	0	0	0	0	2
11	Đọc 1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
12	Đọc 2	0	0	2	2	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
13	Đọc 3	0	0	3	3	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
14	Đọc 4	0	0	3	3	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
15	Viết 1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2
16	Viết 2	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2
17	Viết 3	0	0	3	3	0	0	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2
18	Viết 4	0	0	3	3	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2

KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 57 TC																		
Học phần bắt buộc																		
1	PPNC và viết báo cáo khoa học	0	0	0	3	0	0	3	0	0	0	3	3	3	0	0	2	0
2	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2
3	Thực tế ngoài trường	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	3	3	0	3	0	0
4	Dẫn luận văn chương	0	0	0	3	3	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2
5	Truyền thông	0	0	0	0	0	0	3	0	3	0	3	3	0	2	0	0	2
6	Dẫn luận ngôn ngữ	0	0	0	3	0	0	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	2
7	Từ pháp học	0	0	0	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2
8	Cú pháp học	0	0	0	3	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	0	0	2
9	Ngữ nghĩa học	0	0	0	3	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	0	0	2
10	Âm vị học	0	0	0	3	0	0	3	3	0	0	3	0	0	0	0	0	2
11	Ngữ dụng học	0	0	0	3	0	0	3	3	1	0	0	0	0	0	0	0	2
12	Lý thuyết dịch	0	0	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	0	0	0	2	0
13	Biên dịch 1	0	0	0	2	0	0	2	2	0	2	0	0	0	2	0	2	0

14	Biên dịch 2	0	0	0	2	0	0	2	3	0	3	0	0	0	2	0	2	0
15	Phiên dịch 1	0	0	0	2	0	0	2	2	0	2	0	0	0	2	0	2	0
16	Phiên dịch 2	0	0	0	2	0	0	2	3	0	3	0	0	0	2	0	2	0
17	Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	3	3	3	0	2	0	0
18	Thực tập tốt nghiệp	0	0	0	3	0	0	3	0	0	0	3	3	3	0	3	3	0
Học phần tự chọn																		
19	Giao tiếp liên văn hóa	0	0	0	3	0	3	0	3	2	0	0	2	0	0	2	0	0
20	Phân tích diễn ngôn	0	0	0	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0	3	0	0	2
21	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2
22	Biên dịch nâng cao	0	0	0	3	0	0	3	3	0	3	0	0	0	3	0	2	0
23	Phiên dịch nâng cao	0	0	0	3	0	0	3	3	0	3	0	0	0	3	0	2	0
24	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	0	0	0	3	0	0	3	0	0	0	3	3	0	3	0	2	2
25	Ứng dụng công nghệ trong học ngôn ngữ	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	2

26	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	3	0	0	3	0
27	Phân tích số liệu khoa học xã hội (SPSS)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	2	2
28	Tiếng Anh du lịch nhà hàng	0	0	0	3	0	0	3	0	0	3	0	2	0	0	0	0	2	0
29	Tiếng Anh thương mại	0	0	0	3	0	0	3	0	0	3	0	2	0	0	0	0	2	0
30	Tiếng Anh báo chí	0	0	0	3	0	0	3	0	0	3	0	2	0	0	0	0	2	0
31	Tiếng Anh marketing	0	0	0	3	0	0	3	0	0	3	0	2	0	0	0	0	2	0
32	Khóa luận tốt nghiệp	0	0	0	3	0	0	3	0	0	0	3	3	3	3	0	3	3	3
33	Tiểu luận tốt nghiệp	0	0	0	3	0	0	3	0	0	0	3	3	3	3	0	3	3	3

5. Tóm tắt nội dung môn học

TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

3 (3, 0)

Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

KINH TẾ CHÍNH TRỊ

2 (2, 0)

Môn học này nghiên cứu về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của Mác về giá

trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm học thuyết kinh tế của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Nội dung các học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC **2 (2, 0)**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học chủ nghĩa xã hội, nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa xã hội, về nội dung, đặc điểm tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua từng giai đoạn phát triển và con người quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH **2 (2, 0)**

Môn học có 08 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

Tư tưởng Hồ Chí Minh;

Những cơ sở của đường lối xây dựng đất nước ở Việt Nam;

Vận dụng kiến thức vào việc lý giải và có thái độ đúng đắn về con người đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM **2 (2, 0)**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, giúp sinh viên phân tích được những vấn đề cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG **2 (2, 0)**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, giới thiệu một số chế định pháp luật cơ bản của các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam.

LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG **2 (2, 0)**

Học phần cung cấp kiến thức về các quy luật cơ bản, giúp người học hiểu thấu đáo cách suy nghĩ, lập luận của mình và đối phương; qua đó trang bị kỹ năng phát hiện, phản biện những lập luận sai trái, kịp thời đấu tranh, góp phần bảo vệ công lý, chân lý.

CƠ SỞ VĂN HÓA

2 (2, 0)

Môn học cung cấp kiến thức về văn hóa Việt Nam. Giới thiệu văn hóa của các vùng miền trên tổ quốc. Cung cấp kiến thức văn hóa về nghệ thuật, văn học, trang phục, nghi lễ, và ẩm thực... Nhằm giúp cho sinh viên hiểu hơn về văn hóa, phong tục của Việt Nam để hỗ trợ trong giao tiếp đời sống và giao tiếp công sở.

XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

2 (2, 0)

Nội dung của học phần bao gồm 6 chương, nghiên cứu các quy luật, tính quy luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

PHÁP VĂN CĂN BẢN 1

3 (2, 1)

Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính ... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I và II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản.

PHÁP VĂN CĂN BẢN 2

2 (1, 1)

Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng, ... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai, ... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I và II, và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, biết định vị trong không gian, v.v... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.

PHÁP VĂN CĂN BẢN 3

2 (1, 1)

Học phần Pháp văn căn bản 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc liên quan đến các chủ đề khác nhau, nghe các bài hội thoại dài hơn, và viết các đoạn văn về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ. Học phần Pháp văn căn bản 3 được chia thành 3 nội dung lớn (phần 1 giới thiệu về cuộc sống, sinh hoạt và giải trí của người Pháp, phần 2 sẽ bàn về các mối quan hệ xã hội và các biểu tượng của nước Pháp, phần 3 sẽ giới thiệu đến sinh viên những kế hoạch và dự định tương lai).

TIN HỌC CĂN BẢN

3 (2, 1)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows 7, công cụ quản lý Windows Explorer, các công cụ hỗ trợ đánh tiếng Việt trong Windows, công cụ soạn thảo Microsoft Word (MS Word), các thao cơ bản trong MS Word, định dạng văn bản, một số thao tác trên các đối tượng hình ảnh, thao tác trên bảng biểu, định dạng và in ấn trong Word, một số tính năng nâng cao của MS Word. Tổng quan về Microsoft Excel (MS Excel), các thao tác cơ bản trên Excel, một số hàm cơ bản trong Excel, thao tác cơ bản trên cơ sở dữ liệu dùng Excel, tạo biểu đồ trong Excel, định dạng và in ấn trong Excel, một số khái niệm và thao tác trên MS Power Point, các kiến thức sử dụng Internet và Email.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

1 (0, 1)

Học phần bóng chuyền trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam;
- Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền;
- Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại;
- Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam;
- Kỹ thuật cơ bản về các kỹ thuật của môn bóng chuyền;
- Một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

1 (0, 1)

Học phần Quần vợt trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam;
- Ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt;
- Các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt;
- Các kỹ thuật đánh bóng (kỹ thuật cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, kỹ thuật giao bóng);
- Một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

1 (0, 1)

Học phần bóng đá trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử phát triển môn bóng đá trên thế giới và Việt Nam;
- Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá;
- Kiến thức cơ bản về các kỹ năng của môn bóng đá như: tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng, luật bóng đá 5 người.

NGŨ PHÁP 1

2 (2, 0)

Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về đặt câu, luyện tập các mẫu câu cơ bản, các loại mệnh đề và dịch các cụm từ theo chủ đề

ĐỌC 1

3 (2, 1)

Môn học xây dựng và phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên để sinh viên có thể đáp ứng trình độ cơ bản theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội học và thực hành kỹ năng đọc hiểu để đạt được thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học.

VIẾT 1

3 (2, 1)

Học phần viết 1 sẽ hướng dẫn người học về cấu trúc của một đoạn văn, cách sắp xếp dàn ý khi viết một đoạn văn. Ngoài ra, học phần này hướng dẫn người học các bước trong việc viết một định dạng nhất định như là một đoạn văn miêu tả, một đoạn văn nêu ý kiến scas nhân, và văn so sánh tương phản. Qua đó người học có cái nhìn tổng quát về

các định dạng đoạn văn trên, giúp họ dễ dàng trong việc ứng dụng trong thực tế bài viết của mình.

NGỮ ÂM THỰC HÀNH 1

2 (1, 1)

Học phần Ngữ âm thực hành 1 trang bị kiến thức về cách phát các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh, cách sử dụng từ điển, giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc phát âm chuẩn trong công tác dạy và học ngoại ngữ nói riêng và sử dụng ngôn ngữ nói chung.

NGHE NÓI 1

3 (2, 1)

Môn học Nghe – Nói 1 được xây dựng nhằm rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe nói trong các tình huống phổ biến trong cuộc sống. Môn học cung cấp cho sinh viên từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp xã hội và du lịch (gặp gỡ người khác, mua sắm, thức ăn, sức khỏe, sân bay, khách sạn, đi lại, du lịch) cùng với đó là từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp công việc và học tập (giúp đỡ khách hàng – đồng nghiệp, sản phẩm dịch vụ, giao tiếp qua điện thoại, đặt chỗ, thể hiện quan điểm, sắp xếp thời gian biểu).

NGỮ PHÁP 2

3 (3, 0)

Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các thì: quá khứ, tương lai; đặt câu; luyện tập các mẫu câu cơ bản; các loại mệnh đề và dịch các cụm từ theo chủ đề.

ĐỌC 2

3 (2,1)

Môn học xây dựng và phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên để sinh viên có thể đáp ứng trình độ cơ bản theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội học và thực hành kỹ năng đọc hiểu để đạt được thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học.

VIẾT 2

3 (2, 1)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về cách viết câu ghép, câu phức và có bước chuyên tiếp hiệu quả từ câu sang đoạn. Sâu hơn nữa, sinh viên sẽ nắm vững cách viết và viết được tốt các dạng đoạn văn như văn mô tả, văn tự sự, văn cho ý kiến, ...

NGŨ ÂM THỰC HÀNH 2

2 (1, 1)

Học phần Ngữ âm thực hành 2 củng cố kiến thức về cách phát các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh, cung cấp kiến thức phân biệt các đặc điểm ngữ âm trong lời nói tự nhiên; kiến thức và thực hành luyện âm, ngữ điệu cấp độ từ, cụm từ và câu.

NGHE NÓI 2

3 (2,1)

Môn học Nghe – Nói 2 được xây dựng nhằm cung cấp thêm cho sinh viên tài liệu để nâng cao khả năng Nghe – Nói Tiếng Anh, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe nói trong các tình huống phổ biến trong cuộc sống. Môn học cung cấp cho sinh viên từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp xã hội và du lịch (gặp gỡ bạn bè, hỏi đáp lời mời, sống xa nhà, phương tiện di chuyển, ăn bên ngoài, các tình huống khẩn cấp, sức khỏe, nghỉ dưỡng, nơi ăn chốn ở, du lịch ngắm cảnh, du lịch nước ngoài, tin tức thường ngày cùng với đó là từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp công việc và học tập (chào đón khách du lịch nước ngoài, các tình huống thảo luận nơi làm việc, tổ chức một sự kiện, những buổi thảo luận/seminar, trường học, thói quen học tập, mục tiêu học tập).

NGŨ PHÁP 3

3 (3, 0)

Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các bị động trong ngữ pháp tiếng Anh; các hình thức so sánh tính từ và danh từ trong tiếng Anh; các thể loại câu trong tiếng Anh; các hình thức câu tường thuật.

ĐỌC 3

3 (2, 1)

Môn học xây dựng và phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên để sinh viên có thể đáp ứng trình độ cơ bản theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội học và thực hành kỹ năng đọc hiểu để đạt được thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học

VIẾT 3

3 (2, 1)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các yếu tố cấu thành một bài văn tốt, và cách chuyển đổi từ đoạn văn thành bài văn. Sâu hơn nữa, sinh viên có kiến thức về các dạng bài văn như văn so sánh, văn viết về nguyên nhân-kết quả, văn về vấn đề-giải pháp, và viết được ở mức căn bản các dạng văn này.

NGỮ ÂM THỰC HÀNH 3

2 (1, 1)

Học phần Ngữ âm thực hành 3 trang bị kiến thức về cách điều chỉnh nhịp điệu và sử dụng đúng ngữ điệu khi nói tiếng Anh, giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc nói giọng chuẩn trong công tác dạy và học ngoại ngữ nói riêng và sử dụng ngôn ngữ nói chung.

NGHE NÓI 3

3 (2, 1)

Môn học Nghe – Nói 3 được xây dựng nhằm cung cấp thêm cho sinh viên tài liệu để nâng cao khả năng Nghe – Nói Tiếng Anh, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe nói trong các tình huống phổ biến trong cuộc sống. Môn học cung cấp cho sinh viên từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp xã hội và du lịch (gặp gỡ bạn bè, hỏi đáp lời mời, sống xa nhà, phương tiện di chuyển, ăn bên ngoài, các tình huống khẩn cấp, sức khỏe, nghỉ dưỡng, nơi ăn chốn ở, du lịch ngắm cảnh, du lịch nước ngoài, tin tức thường ngày cùng với đó là từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp công việc và học tập (chào đón khách du lịch nước ngoài, các tình huống thảo luận nơi làm việc, tổ chức một sự kiện, những buổi thảo luận/seminar, trường học, thói quen học tập, mục tiêu học tập).

ĐỌC 4

3 (2, 1)

Môn học xây dựng và phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên để sinh viên có thể đáp ứng trình độ cơ bản theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội học và thực hành kỹ năng đọc hiểu để đạt được thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học.

VIẾT 4

3 (2, 1)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để viết các dạng bài văn như: nguyên nhân-kết quả, so sánh, tranh luận,...

NGHE NÓI 4

3 (2, 1)

Môn học Nghe – Nói 4 được xây dựng nhằm cung cấp thêm cho sinh viên tài liệu để nâng cao khả năng Nghe – Nói Tiếng Anh, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe nói trong các tình huống phổ biến trong cuộc sống. Môn học cung cấp cho sinh viên từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp xã hội và du lịch (gặp gỡ bạn bè, hỏi đáp lời mời, sống xa nhà, phương tiện di chuyển, ăn bên ngoài, các tình huống khẩn cấp, sức khỏe, nghỉ dưỡng, nơi ăn chốn ở, du lịch ngắm cảnh, du lịch nước ngoài, tin tức thường ngày cùng với đó là từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp công việc và học

tập (chào đón khách du lịch nước ngoài, các tình huống thảo luận nơi làm việc, tổ chức một sự kiện, những buổi thảo luận/seminar, trường học, thói quen học tập, mục tiêu học tập).

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO KHOA HỌC 3 (2, 1)

Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo là học phần bắt buộc nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh những kiến thức cơ bản về phương pháp luận NCKH để phục vụ nhu cầu học tập và làm nghiên cứu ở bậc đại học; hướng dẫn sinh viên cách chọn đề tài; cách viết đề cương một NCKH, cách trình bày một báo cáo NCKH theo quy định về mặt ngôn ngữ và thông tin, cách trích dẫn tài liệu tham khảo, và viết đề mục sách tham khảo

QUÁ TRÌNH TIẾP THU NGÔN NGỮ THỨ 2 2 (1, 1)

Môn học giúp người học nắm được cơ bản quá trình tiếp thu ngôn ngữ mẹ đẻ cũng như ngôn ngữ thứ hai. Nắm bắt được những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu. Giải thích rõ lý do thành công trong học ngôn ngữ.

DẪN LUẬN VĂN CHƯƠNG 3 (3, 0)

Học phần này nhằm mục tiêu giới thiệu các kiến thức căn bản cho người học về các thể loại văn học thông dụng. Người học nắm các thuật ngữ và lý thuyết văn học cơ bản. Trên cơ sở đó học viên sẽ phân tích tác phẩm có tư duy phê phán. Ngoài ra học viên cũng được cung cấp thêm các bài viết mẫu.

VĂN HÓA XÃ HỘI CÁC NƯỚC NÓI TIẾNG ANH 2 (2, 0)

Môn học nhằm cung cấp kiến thức về các khía cạnh văn hóa của các nước nói tiếng Anh, kiến thức về các đặc trưng văn hóa của mỗi nước nhằm tạo cơ hội phát triển nhận thức về sự khác biệt về văn hóa các quốc gia này cũng như tạo cơ hội phát triển kỹ năng tiếp cận văn hóa nước ngoài, và cơ hội phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa.

TRUYỀN THÔNG 2 (1, 1)

Học phần Truyền thông giúp sinh viên hiểu rõ một số lý thuyết quan trọng trong các bước trình bày một văn bản trước công chúng, nắm vững một số các bước trình bày một văn bản trước công chúng hiệu quả. Sinh viên biết sử dụng các trang thiết bị (công nghệ) hỗ trợ bài thuyết trình hiệu quả, nắm vững việc áp dụng lý thuyết vào thực hành một văn bản trước công chúng qua các video clips, thực hành hiệu quả các văn bản chính thống (formal) trước công chúng và các dạng không nghi thức (informal).

DẪN LUẬN NGÔN NGỮ

3 (3, 0)

Dẫn luận ngôn ngữ là một trong những môn học cơ bản bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếng Anh. Môn học giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về các ngành của ngôn ngữ học như Ngữ âm học, Âm vị học, Từ pháp học, Cú pháp học, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học

TỪ PHÁP HỌC

2 (1, 1)

Môn học giúp người học nắm được cơ bản về lý thuyết cấu tạo từ trong ngôn ngữ Anh. Người học biết cách phân tích từ và sử dụng từ tiếng Anh chuẩn xác.

CÚ PHÁP HỌC

2 (1, 1)

Môn học giúp sinh viên phân biệt các loại từ, ngữ, câu cũng như phương pháp tạo cụm từ, mệnh đề, câu; các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong câu, các vị trí mà các cụm từ có thể nắm giữ; các mẫu câu cơ bản; vẽ sơ đồ cấu trúc câu; xác định khả năng gây tối nghĩa của những cấu trúc câu mơ hồ nhờ đó đọc hiểu, viết, sử dụng tiếng Anh hiệu quả hơn trong học tập, công việc.

NGỮ NGHĨA HỌC

2 (1, 1)

Môn học nhằm hệ thống hóa kiến thức về các cấp độ ngữ nghĩa tiếng Anh (từ, cụm từ, thành ngữ, câu, đoạn văn), tìm hiểu về các khái niệm căn bản về ngữ nghĩa (semantic triangle, semantic properties, referring expressions, referent, sense, ...) và hình thái tu từ (figures of speech).

ÂM VỊ HỌC

2 (1, 1)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về bản chất cấu thành âm phát, hiểu được các khái niệm về âm vị, nguyên âm (dài, đôi, ba), và phụ âm. Ngoài ra sinh viên cũng có thể phân biệt được các nhóm âm khác nhau, ví dụ như: các âm sát, tắc sát, âm mũi,... Sâu hơn nữa, sinh viên có thể phát được tốt các nguyên, phụ âm, và tạo các câu thoại có dùng thêm nhấn trọng âm và ngữ điệu hợp lý khi giao tiếp.

NGỮ DỤNG HỌC

2 (1, 1)

Môn học Ngữ Dụng Học nhằm giới thiệu cho sinh viên về các vấn đề về ý nghĩa – tầm quan trọng của ý nghĩa, ứng dụng ngôn ngữ và tính liên quan của ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp. Mục đích khóa học là nhằm cung cấp cho học viên những khái niệm cơ bản trong ngữ dụng và các bài tập ứng dụng tương ứng. Hy vọng rằng thông qua các bài tập, người học sẽ có kiến thức sâu về ngữ dụng như là một ngành nghiên cứu mang tính thực tiễn và tính liên quan của nó đến nhiều ngôn ngữ khác nhau. Cuối

cùng, trong quá trình nghiên cứu cũng như trong lúc trải nghiệm các bài tập, học viên sẽ khám phá ra các vấn đề thú vị thông qua nhiều tình huống giao tiếp hiệu quả.

LÝ THUYẾT DỊCH

3 (3, 0)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngành dịch thuật dựa trên nền tảng giới thiệu các lý thuyết cơ bản về dịch viết cũng như dịch nói để tạo thuận lợi cho các em có thể nắm bắt được dễ dàng các học phần biên dịch và phiên dịch chuyên sâu sau này.

BIÊN DỊCH 1

2 (1, 1)

Nội dung của học phần nhằm tổ chức cho sinh viên đi thực tập thực tế tại các nhà máy, cơ sở chế biến thực phẩm bên ngoài khuôn viên trường. Sinh viên có thể tiếp cận các công nghệ, quy trình chế biến thực phẩm, máy móc thiết bị khác nhau dưới sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ hướng dẫn ở nhà máy sản xuất. Từ đó sinh viên có thể đúc kết, so sánh kiến thức đã học với thực tiễn, hiểu được nguyên lý vận hành các thiết bị chế biến thực phẩm, các thông số kỹ thuật trong quá trình vận hành thiết bị và các yếu tố ảnh hưởng đến các quá trình xảy ra trong thiết bị. Sau khi kết thúc chương trình thực tập, sinh viên tổng hợp các kiến thức thực tế với lý thuyết và trình bày báo cáo về các hoạt động đã được tham quan và học tập.

BIÊN DỊCH 2

2 (1, 1)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các mẫu câu biên dịch Anh Việt và Việt Anh thông dụng. Bên cạnh đó các em cũng sẽ được thực tập biên dịch song ngữ các nội dung cơ sở liên quan đến các tình huống giao tiếp hàng ngày để tạo tiền đề vững chắc khi bước vào học phần biên dịch 2.

PHIÊN DỊCH 1

2 (1, 1)

Học phần giới thiệu tổng quan về phiên dịch và dịch đuổi, một số điểm lý thuyết về phiên dịch và các loại hình phiên dịch, đặc biệt nhấn mạnh quy tắc đạo đức cần thiết đối với người phiên dịch. Phần lớn chương trình học tập trung thực hành các kỹ năng cơ bản của công việc phiên dịch: ghi nhớ, ghi chú, tóm tắt, diễn giải. Sinh viên thực hành dịch các câu hoặc các đoạn ngắn (Tiếng Anh và Tiếng Việt) có độ dài từ 30 giây đến 1 phút theo các chủ đề phổ biến (giáo dục, văn hoá, kinh tế, xã hội, khoa học ...).

PHIÊN DỊCH 2

2 (1, 1)

Học phần Phiên Dịch 2 giúp sinh viên lĩnh hội và thực hành một số kỹ thuật phiên dịch cơ bản như nghe hiểu, ghi chép, tóm tắt văn bản, ghi tốc ký, kỹ năng ghi nhớ,

thuyết trình trước công chúng, giải quyết các tình huống nghề nghiệp bất ngờ có thể xảy ra và trau dồi vốn tiếng Anh lẫn tiếng Việt thông qua thực hành phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh trên lớp và bài tập ở nhà các đoạn ngắn (Tiếng Anh và Tiếng Việt) có độ dài 2-3 phút với các chủ đề đa dạng như bài giảng ngắn, các bài diễn văn và thuyết minh du lịch nhằm giúp sinh viên hình thành thái độ có chọn lọc và mang tính xây dựng đối với các giá trị về học thuật lẫn kinh tế - xã hội. Ngoài ra, thông qua khoá học này sinh viên được nâng cao ý thức về khác biệt văn hóa, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tác phong chuyên nghiệp cần có đối với người phiên dịch.

GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA

2 (1, 1)

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa xã hội ở các vùng miền khác nhau trên thế giới. Từ đó, sinh viên có cái nhìn toàn diện hơn về các đặc trưng văn hóa. Sinh viên có ý thức hơn về yếu tố văn hóa trong quá trình giao tiếp để tránh sự hiểu lầm và định kiến trong giao tiếp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có ý thức hơn trong hành vi ứng xử của mình, rèn luyện cách ứng xử để hoàn thiện kỹ năng giao tiếp và bản thân. Sinh viên cũng được yêu cầu thể hiện sự sáng tạo, đam mê trong việc tìm hiểu và trình bày đặc trưng của các nền văn hóa thông qua đề tài văn hóa của nhóm.

CHUYÊN ĐỀ CÁC BÀI THI TIẾNG ANH QUỐC TẾ

2 (2, 0)

Học phần Chuyên đề Các Bài thi Tiếng Anh Quốc tế tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận và nắm bắt các vấn đề then chốt của những kỳ thi Tiếng Anh quốc tế phổ biến rộng rãi hiện nay như IELTS, TOEFL, TOEIC và GRE. Thông qua học phần, sinh viên biết được ý nghĩa đích thực, giá trị sử dụng... của những kỳ thi này và đặc biệt là những yêu cầu và kiến thức, kỹ năng mà người dự thi cần nắm chắc. Đồng thời, sinh viên sẽ dựa trên những kinh nghiệm từ nhiều nguồn khác nhau để xây dựng cho mình chiến lược dài hạn và ngắn hạn nhằm đạt được kết quả cao khi dự những kỳ thi này. Học phần không nhằm luyện thi cụ thể những kỳ thi này mà là kênh thông tin về những kỳ thi và tạo điều kiện cho sinh viên nắm bắt những vấn đề then chốt nhằm xây dựng ý thức rèn luyện kỹ năng cho mình nếu muốn tham dự những kỳ thi này trong tương lai.

TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

2 (1, 1)

Học phần bao gồm một loạt các hoạt động chẳng hạn như: thuyết trình, networking, giải quyết các tình huống khó khăn, và các bài nghe giúp người học chủ động trong cách nghe; tài liệu này sẽ cung cấp cho các bạn học sinh, sinh viên kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ một cách chuyên nghiệp

BIÊN DỊCH NÂNG CAO

2 (1, 1)

Học sinh biết vận dụng những kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, văn hóa để dịch Việt – Anh và Anh – Việt các bài với các chủ đề sau đây: Ngôn ngữ - nghệ thuật ; Thiên nhiên – tình cảm ; Các tác phẩm âm nhạc ; Văn chương: một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu ; Một số bài nói chuyện tiêu biểu .

Khóa học sẽ cung cấp cho người học cơ hội vận dụng lý thuyết vào thực tiễn dịch thuật những bài viết thuộc thể loại phi chính luận. người học cũng thực hiện những project dịch thuật; từ đó họ có thể có được những kỹ năng và trải nghiệm trong công tác dịch thuật. thêm vào đó người học cũng có thể trao đổi kỹ năng ngôn ngữ cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh, nhất là trong một số lĩnh vực chuyên môn mà họ có thể ứng dụng cho nghề nghiệp tương lai của mình

PHIÊN DỊCH NÂNG CAO

2 (1, 1)

Học phần phiên dịch nâng cao gồm:

-Tạo điều kiện cho người học rèn luyện khả năng phân tích, biến đổi cấu trúc, xử lý từ vựng, tổ hợp từ theo chuyên đề và vấn đề “không thể dịch” ở mức độ trên trung cấp.

-Phát triển kỹ năng nói trước đám đông và kỹ năng ghi chú đề dịch của người học.

- Giới thiệu nhiều bài thực hành phong phú giúp người học thực hành phiên dịch đuổi những bài phát biểu thời lượng từ 5-10 phút một cách lưu loát, tự nhiên, đúng và đủ thông tin từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh

- Giúp người học kiểm soát được khả năng nghe hiểu, ghi nhớ và diễn giải của mình.

-Tạo điều kiện cho người học rèn luyện và sử dụng được khoảng 2.500 từ vựng tích cực xoay quanh các vấn đề thời sự về chính trị, xã hội và kinh tế.

- Thể hiện được một số tác phong nghề nghiệp cơ bản của một phiên dịch viên. g. Xây dựng được các tình huống để người học thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch thuật.

PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

2 (1, 1)

Môn học Phân Tích Diễn Ngôn nghiên cứu ngôn ngữ được sử dụng trong mọi tình huống giao tiếp (trang trọng và thân mật), đặc biệt là nghiên cứu mối quan hệ giữa câu với ngữ cảnh và tình huống. Môn học này giới thiệu một số khái niệm cơ bản về Phân Tích Diễn Ngôn, bao gồm mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố ngôn ngữ, mối

quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết; một số khái niệm cơ bản về Ngữ dụng học như lý thuyết hành vi ngôn ngữ, hàm ngôn hội thoại, phương châm hội thoại. Ngoài ra, môn học này còn cho thấy ứng dụng của ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, luật, kỹ năng giao tiếp nơi công sở.

VĂN BẢN VÀ LƯU TRỮ ĐẠI CƯƠNG

2 (2, 0)

Học phần Văn bản và Lưu trữ học đại cương nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý.

Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.

TIẾNG ANH BÁO CHÍ

2 (1, 1)

Môn học xây dựng và phát triển kỹ năng liên quan báo chí cho sinh viên để sinh viên có thể đáp ứng trình độ cơ bản. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội học và thực hành kỹ năng nghe, đọc, hiểu để tóm tắt và viết bài báo nhằm đạt được thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn kiến thức cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học.

TIẾNG ANH MARKETING

2 (1, 1)

Môn học này cung cấp kiến thức tiếng Anh trong lĩnh vực Marketing, đặc biệt là về chiến lược marketing, quảng cáo, tìm kiếm khách hàng, chiến lược tiếp thị, quan hệ công chúng, hội chợ thương mại. Học viên có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh để giao tiếp và hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực marketing. Học phần này cung cấp cho sinh viên những cơ hội trải nghiệm các tình huống thực tế và thực hiện các dự án tiếp thị.

TIẾNG ANH DU LỊCH – NHÀ HÀNG

2 (1, 1)

Chương trình Tiếng Anh Du lịch – Nhà hàng cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về du lịch và nhà hàng tập trung vào các mảng đề tài như các loại hình lưu trú, nhà hàng, ngôn ngữ thực hành hướng dẫn du khách, các phương tiện đi lại, các kỳ nghỉ và lễ hội đặc thù tại Đồng bằng sông Cửu Long. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản..

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG HỌC NGÔN NGỮ

2 (1, 1)

Môn học giới thiệu một số khái niệm cơ bản trong ứng dụng kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ như ICT, CALL và E-learning. Trọng tâm của khóa học là ứng dụng các phần mềm cơ bản và mạng Internet trong dạy học ngoại ngữ. Môn học cung cấp cho học viên cách tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông dưới góc độ giảng dạy ngoại ngữ đồng thời hướng dẫn học viên sử dụng công nghệ một cách hiệu quả nhất trong công việc của người giáo viên ngoại ngữ.

PHÂN TÍCH SỐ LIỆU KHOA HỌC XÃ HỘI (SPSS)

2 (1, 1)

Giới thiệu khái quát về phần mềm SPSS, cài đặt một số thao tác cơ bản trên SPSS, các loại dữ liệu và thang đo, phương pháp phân tích dữ liệu, mã hóa và nhập dữ liệu, thống kê mô tả. Kiểm định giả thiết về trung bình, tương quan và hồi quy tuyến tính, đánh giá độ tin cậy thành đo nhiều chỉ số và phân tích nhân tố.

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP

2 (1, 1)

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết mà một nhà doanh nhân, một người làm về đổi mới sáng tạo trong các tổ chức cần phải có, để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong doanh nghiệp, đưa ra các ý tưởng, dự án khởi nghiệp mới và điều hành dự án/tổ chức khởi nghiệp một cách hiệu quả và thành công.

TỔNG QUAN VỀ GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

2 (1, 1)

Môn học nhằm cung cấp các kiến thức chuyên môn sâu về giảng dạy tiếng Anh. Cung cấp các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm và giảng dạy.

THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

4 (0, 4)

- Thực tập tốt nghiệp là đợt thực tập bắt buộc đối với sinh viên hệ chính quy nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập thực tiễn, củng cố những kiến thức đã được học ở Trường Đại học, gắn việc học tập với thực tiễn trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho sinh viên hiểu biết sâu hơn về những chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, cũng như tình hình phát triển Kinh tế - Xã hội ở các địa phương và xu thế phát triển của chúng. Nhằm tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tư duy sáng tạo trong thực tiễn rèn luyện những kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại cơ quan thực tập. Nhằm giáo dục sinh viên tác phong làm việc, tiếp cận thực tiễn để hiểu sâu hơn về công tác nghiệp vụ, tìm hiểu sâu về những nghiệp vụ, những công tác cụ thể thuộc về chuyên ngành đào tạo trong cơ quan thực tập, củng cố lập trường, nêu cao ý thức trách nhiệm trong công việc.

THỰC TẾ NGOÀI TRƯỜNG

1 (0, 1)

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về văn hóa và con người ở một số địa phương để hiểu hơn về văn hóa và con người Việt Nam.

TIỂU LUẬN TỐT NGHIỆP

4 (0, 4)

Nội dung của học phần nhằm tổ chức cho sinh viên tham gia một nghiên cứu phù hợp với chuyên môn khoa học và trình độ. Sinh viên có thể tham gia vào các đề tài, dự án nghiên cứu của Bộ môn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

8 (0, 8)

Nội dung của học phần nhằm tổ chức cho sinh viên tham gia một nghiên cứu phù hợp với chuyên môn khoa học và trình độ. Sinh viên có thể tham gia vào các đề tài, dự án nghiên cứu của Bộ môn hoặc các đơn vị có lĩnh vực nghiên cứu tương ứng theo chương trình đào tạo của ngành.

6. Hướng dẫn thực hiện CTĐT

6.1. Đối với Khoa và Bộ môn

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

6.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng...

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

6.3. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động học tập ngoại khóa.



- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.


6.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy như loa, microphone và máy chiếu.


- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản.

**Hiệu trưởng**
(kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TS. NGUYỄN VĂN QUANG

Phòng Quản lý Đào tạo


THS. LÝ MÊN TẬN

Khoa Ngoại ngữ


TS. TRẦN THỊ THÙY